

Thành phố Lai Châu, ngày 20 tháng 3 năm 2025

Số: 53/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Bích Nga

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Tăng Bá Vương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc *Hủy việc kết hôn trái pháp luật* và *“Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp”* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ trụ sở: Tổ I, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàng A V – Chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lại Thế T, sinh ngày 21/9/1986

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1984

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, người đại diện theo pháp luật ông Hàng A V vắng mặt tại phiên họp nhưng theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, ông Hàng A V trình bày:

Ông Lại Thế T, sinh ngày 21/9/1986 và bà Trần Thị V1, sinh ngày

25/7/1984 hiện đang cư trú tại tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu. Hiện nay do công dân Lại Thế T và Trần Thị V1 đến phường trình bày, đề nghị cải chính thông tin của công dân Lại Thế T trong giấy chứng nhận kết hôn nên Ủy ban nhân dân phường đã yêu cầu ông T và bà V1 xuất trình các giấy tờ tùy thân nhằm xác định tuổi, điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đồng thời qua công tác kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường thì ngoài sổ lưu đăng ký kết hôn ra thì không có giấy tờ, thông tin gì khác mà ông T, bà V1 giao nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2005. Tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 23/3/2005, ông T chưa từ 20 tuổi trở lên (ông T 18 tuổi 06 tháng 02 ngày). Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân phường không biết ông T khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn. Hiện nay căn cứ vào giấy khai sinh của ông Lại Thế T, bà Trần Thị V1 cung cấp cho Ủy ban nhân dân phường, thì phát hiện việc đăng ký kết hôn của ông T và bà V1 được thực hiện vào ngày 23/3/2005 là không đúng quy định của pháp luật, khi kết hôn ông T là chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (vi phạm điều kiện kết hôn). Ngoài ra, ông T và bà V1 không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2005 đăng ký ngày 23/3/2005 tại UBND phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên họp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 đều trình bày:

Ông Lại Thế T sinh ngày 21/9/1986, bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1984 hiện nay cả hai cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Ông T và bà V1 có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu. Nhưng khi kết hôn, do thiếu hiểu biết về quy định của pháp luật và do bà V1 sinh năm 1984 hơn tuổi ông T nên ông T đã tự ý khai tăng tuổi là sinh năm 1984 để được đăng ký kết hôn. Quá trình thực hiện thủ tục kết hôn tại UBND phường Q, thị xã L, tỉnh Lai Châu thì ông T, bà V1 không nộp giấy tờ liên quan đến năm sinh của ông T và bà V1. Ngoài ra, ông T, bà V1 không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông T, bà V1 đồng ý với yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L về việc hủy kết hôn trái pháp luật ngày 23/3/2005 và ông T, bà V1 đều khẳng định, hiện nay ông, bà vẫn chung sống rất hạnh phúc, mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, xây dựng gia đình hạnh phúc nên cùng có ý kiến đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm ông T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định.

* Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin, thu thập tài liệu, chứng cứ đối với tuổi, năm sinh của ông Lại Thế T. Theo biên bản xác minh ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu với Phòng Tư pháp thành phố Lai Châu xác định được: Ông Lại Thế T sinh ngày 21/09/1986; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị B; họ

và tên cha: Lại Cao T1; Khai sinh số 112, đăng ký ngày 26/09/1986 tại UBND thị trấn N, huyện P, tỉnh Lai Châu (nay là phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu).

* Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự được đảm bảo. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập và kết quả tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, áp dụng: khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016. Đề xuất giải quyết về nội dung việc dân sự sơ thẩm như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của UBND phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01/2005 đăng ký ngày 23/3/2005 tại UBND phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu và chấp nhận đề nghị của ông Lại Thế T, bà Trần Thị V1, về việc công nhận quan hệ hôn nhân của ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 kể từ thời điểm ông T đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 21/9/2006.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Người yêu cầu không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu, ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân thành phố L nhận định như sau:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Đây là yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, do việc đăng ký kết hôn cho ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp ngày hôm nay các đương sự đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục phiên họp giải

quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu: Bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1984 và ông Lại Thế T, sinh ngày 21/9/1986 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/3/2005 tại UBND phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01/2005 đăng ký ngày 23/3/2005 tại UBND phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu đã xác định và ghi bà Trần Thị V1, sinh năm 1984 và ông Lại Thế T, sinh năm 1984. Ông T đã khai không đúng năm sinh của mình, cán bộ thực hiện việc đăng ký kết hôn không kiểm tra các giấy tờ do công dân cung cấp và đã đăng ký kết hôn cho ông T với bà V1. Thời điểm kết hôn, ông Lại Thế T chưa đủ tuổi theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đối chiếu với căn cước công dân, giấy khai sinh của ông Lại Thế T xác định được ông Lại Thế T sinh ngày 21/9/1986, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ông T mới 18 tuổi 06 tháng 02 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn quy định: “*Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*”. Tại thời điểm 23/3/2005, UBND phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu thực hiện đăng ký kết hôn cho ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 đã vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Nay Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, giữa ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1: Việc đăng ký kết hôn giữa ông T và bà V1 vào ngày 23/3/2005, tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu chỉ vi phạm quy định về độ tuổi của ông T, ngoài ra không vi phạm các điều kiện khác về đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì ông T đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn (ông T đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 21/9/2006). Ông T và bà V1 đang chung sống hạnh phúc, ông bà đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng có ý kiến đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông T, bà V1 kể từ thời điểm ông T đủ tuổi kết hôn là ngày 21/9/2006. Xét thấy, đề nghị của ông T và bà V1 là có cơ sở và cần được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Lại Thế T, sinh ngày 21/9/1986 với bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1986 kể từ ngày 21/9/2006 theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Người yêu cầu không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo Quyết định này theo quy định tại Điều 372 và Điều 373 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ việc, vì vậy cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016; điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu về việc huỷ việc kết hôn nhân trái pháp luật giữa ông Lại Thế T và bà Trần Thị V1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2005, ngày 23/3/2005 của Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lai Châu.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Lại Thế T sinh ngày 21/9/1986 và bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1986 kể từ ngày 21/9/2006.

3. Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu không phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Lại Thế T, sinh ngày 21/9/1986 với bà Trần Thị V1, sinh ngày 25/7/1984 kể từ ngày 21/9/2006 theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- UBND phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Bích Nga